

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



HỒ SƠ MẪU
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:
Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

Thái Nguyên, năm 2025

I. Thành phần hồ sơ:

Stt	Tên giấy tờ	Số lượng	Loại giấy tờ
1	Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có)	01	Bản sao
2	Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có)	01	Bản sao
3	Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) (nếu có)	01	Bản sao
4	Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	01	Bản chính
5	Phiếu tiếp nhận hồ sơ chất lượng hàng hóa nhập khẩu	01	Bản chính
6	Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có)	01	Bản sao
7	Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có)	01	Bản sao

II. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi : Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Người nhập khẩu: **Công ty A**

Địa chỉ: **Khu Công nghiệp, đường B, phường C, tỉnh E**

Điện thoại: **1900xxx** Fax:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu
1	Dây cáp, ...	4 lõi, 300V	Korea/..	xx mét	Nội Bài/...	xx/xx/20xx
2	..					
3	...					

Địa chỉ tập kết hàng hóa: **Kho công ty.....**

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

Hợp đồng (*Contract*) số : **23xx ngày 24/11/2025**

- Danh mục hàng hóa (*Packing list*):

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:..... do Tổ chứccấp ngày:

...../..... /tại:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số :

do Tổ chức chứng nhận :..... cấp ngày:..... /..... /tại:

- Hóa đơn (*Invoice*) số: **12xxx ngày../... /20..**

- Vận đơn (*Bill of Lading*) số: **12xxx ngày../... /20..**

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số : **12xxx ngày../... /20..**

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số: 12xxx.....

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có): **12xxx**

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn công bố áp dụng **1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Vào sổ đăng ký: số .../(Tên viết tắt của CQKT)

Ngày.....tháng.....năm 20....

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)

Tỉnh E ngày.....tháng.....năm 20...

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)

(ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH E
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKHCN-

..., ngày... tháng..... năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2	Hợp đồng (<i>Contract</i>) (bản sao).	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	Danh mục hàng hóa (<i>Packing list</i>) kèm theo hợp đồng (bản sao).	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4	Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
	4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
	4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5	Hóa đơn (<i>Invoice</i>)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6	Vận đơn (<i>Bill of Lading</i>)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8	Giấy chứng nhận xuất xứ (<i>C/O-Certificate of Origin</i>)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
10	Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
11	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
12	Nhãn phụ (<i>nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định</i>).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

KẾT LUẬN Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ

Buyer's name and address:

HAI NGUYEN CO.,LTD
DUSTRIAL PARK, WARD,
Y, T PROVINCE, VIET NAM
TEL: +84-

MÃU

Supplier's address and name:

IMARKETKOREA INC.
16F -DONG
NGNAM-GU SEOUL, SOUTH Korea

Ref. No TIMKV2209-035
Date of Order 15-Sep-22

CONTRACT

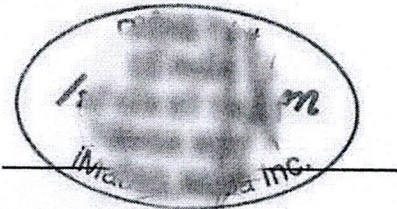
After discussion, we agree to sign this contract with these terms and conditions as follows:

No	Name	Description of Goods	Unit	Origin	Q'ty	U/price	Amount (USD)
1	Cable	1CX2.5SQ,Black,200m/Roll	ROL	KR	2	54.02	108.04
Total					2		108.04

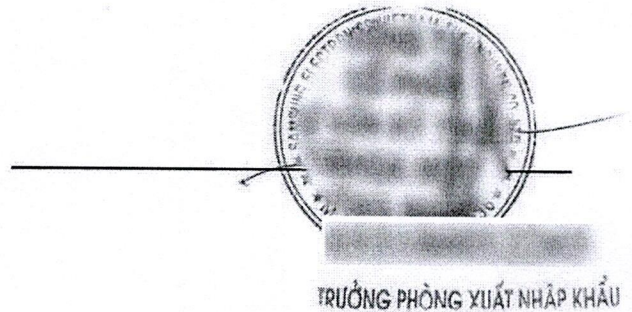
Term and conditions:

- 1 Port of departure: INCHEON
- 2 Port of destination: NOIBAI
- 3 Partial shipment: Allowed
- 4 Transshipment: Allowed
- 5 Commercial Invoice, Packing List and document must be accompanied the delivery or be mailed at time of shipment
- 6 Delivery accepted is subject to proper conditions, approved quality, count and weight.
- 7 Payment: * T/T 45DAYS FROM B/L DATE
- 8 Terms of Delivery: FOB
- 9 Time of Shipment: 16-Sep
- 10 Shipping documents requested: The third party 's document is acceptable
- 11 Country of origin:
Warranty period is 3 years from the date of delivery. The Seller warrants that the equipment supplied: be brand-new, be free from defects, be as per the attached technical description. Within the warranty period, the Seller warrants the normal operation. The Buyer shall inform the Seller of all the defects in writing. Upon the receipt of the notice, the Seller shall work out the time to repair or make good all defects, the Seller shall inform the Buyer the time needed to make good the defects. All the arising costs for repairing the Goods are for the Seller's
- 12 account.

IMARKETKOREA INC.



SAMSUNG ELECTRONICS VIETNAM THAI NGUYEN CO.,LTD



COMMERCIAL INVOICE & PACKING LIST

MẤU

1) Shipper/ Exporter
IMARKETKOREA INC.
 SAM: [REDACTED] DG. [REDACTED] -DONG
 512, [REDACTED] EOUL, SOUTH Korea

8) NO.&DATE
 TIMKV2209-035

SEP . 15 . 2022

2) For Account & Risk of messers
 [REDACTED] UYEN CO.,LTD
 [REDACTED] TRIAL PARK, [REDACTED]),
 [REDACTED] VINCE, VIET NAM
 TEL: +84-: [REDACTED]

10) REMARKS
 ** T/T 45DAYS FROM B/L DATE
 * FOB
 * Country of origin:

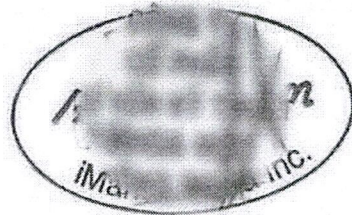
3) Notify Party
 SAME AS ABOVE

4) PORT OF LOADING INCHEON
5) FINAL DESTINATION NOIBAI
6) VESSEL/ FLIGHT OZ951/16SEP
7) SAILING ON OR ABOUT SEP . 16 . 2022

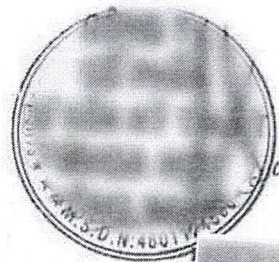
No	Name	Description of Goods	Unit	Origin	Q'ty	U/price	Amount (USD)
1	Cable	1CX2.5SQ,Black,200m/Roll	ROL	KR	2	54.02	108.04
Total						2	108.04

CARTON/ N.WEIGHT/ G.WEIGHT (1.00 CNTS/ 11.96 KGS 13.00 KGS)

Signed by



AUTHORIZED SIGNATURE



TRƯỜNG PHÒNG XUẤT NHẬP KHẨU



MẤU

988 | ICN | 81696101

KICN22093116

Shipper's Name and Address EA INC. 16F, DONG 512, O, J SEOUL, SOUTH KOREA TEL: 02- FAX: 02-		Shipper's Account Number		Not Negotiable KGL CO., LTD Air Waybill Issued by Copies 1,2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity.			
Consignee's Name and Address SI TRONICS VIETNAM THAI NGUYEN CO., LTD INDUSTRIAL PARK, WARD, PHO PROVINCE, VIETNAM		Consignee's Account Number		It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIERS' LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.			
Issuing Carrier's Agent Name and City KGL CO., LTD				Accounting Information			
Agent's IATA Code 17-3 2773/001 1		Account No.					
Airport of Departure (Addr. of First Carrier) and Requested Routing INCHEON AIRPORT, KOREA				Reference Number			
to HAN		By First Carrier OZ		Optional Shipping Information			
Routing and Destination		to by to by		Currency Code USD			
Requested Flight/Date HANOI, VIETNAM 0Z951 16.SEP.22		Amount of Insurance NIL		Declared Value for Carriage N.V.D Declared Value for Customs FOB			
Handling Information				INSURANCE-If Carrier offers insurance, and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof indicate amount to be insured in figures in box marked Amount of Insurance			
				SCI			
No. of Pieces RCP	Gross Weight	kg	Rate Class	Chargeable Weight	Rate Charge	Total	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
1	13.0	K	N	13.0	AS ARRANGED		INV NO : TIMKV2209-035 QTY 2 PCS. "FREIGHT COLLECT"
							DIM: 37 x 28 x 26 / 1
1	13.0						
Prepaid		Weight Charge		Collect		Other Charges	
		AS ARRANGED					
Valuation Charge							
Tax							
Total Other Charges Due Agent		AS ARRANGED				Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that the consignment contains dangerous goods, such part is properly packed in proper condition for carriage by air according to the applicable ICAO regulations.	
Total Other Charges Due Carrier						KGL CO., LTD Signature of Shipper or his Agent	
Total Prepaid		Total Collect		AS ARRANGED		AS AGENT FOR THE CARRIER : ASIANA AIRLINES 16.SEP.22 ICN	
Currency Conversion Rates		CC Charges in Dest. Currency				Executed on (Date) at (Place) Signature of Issuing Carrier or its Agent	
For Carrier's Use only at Destination		Charges at Destination		Total Collect Charges		KICN22093116	

PRINTED BY www.pnp114.co.kr

CASS-Korea



COPY

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Số:... /GTN-TTPVHCC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**Mã hồ sơ: 2.001259.000.00.00.H55**

*Mã vạch thể hiện mã số
hồ sơ*

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên

Tiếp nhận hồ sơ của Ông (Bà)/Tổ chức: **Công ty A**Địa chỉ: **Khu Công nghiệp, đường B, phường C, tỉnh E**Số điện thoại: **1900xxx** Email:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

Stt	Tên giấy tờ	Bản chính	Bản sao
1	Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có)	0	0
2	Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có)	0	0
3	Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) (nếu có)	0	01
4	Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	01	0
5	Phiếu tiếp nhận hồ sơ chất lượng hàng hóa nhập khẩu	01	0
6	Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có)	0	01

7	Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có)	0	01
---	---	---	----

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 01 ngày 0 giờ (ngày làm việc)

Thời gian nhận hồ sơ: **10 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 12 năm 20..**

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: **10 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 12 năm 20..**

Đăng ký nhận kết quả tại: Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: Số thứ tự

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)